TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2025
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Ngà

2. Ông Lương Văn Kế

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Minh Thiện - Thư ký Toà án nhân dân huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2024/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1985 *"Vắng mặt"*

Bị đơn: Anh Ngô Văn A, sinh năm 1983 *"Vắng mặt"*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Ngô Đức N, sinh ngày 13/9/2009 *"Vắng mặt"*

Đều cùng địa chỉ: Đội z, thôn TL, xã ThL, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Năng: Chị Đoàn Thị T, Anh Ngô Văn A - Bố, mẹ đẻ cháu.

Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1960 *"Vắng mặt"*
Địa chỉ: Đội z, thôn TL, xã ThL, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Trần Thị V, sinh năm 1955 *"Vắng mặt"*
Địa chỉ: Đội x, thôn TL, xã ThL, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Đoàn Thị T trình bày:

Chị Đoàn Thị T và Anh Ngô Văn A có đăng ký kết hôn tại UBND xã ThL ngày 05/08/2004, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T sống tại đội z, thôn TLi, xã ThL, huyện TL, tỉnh Hưng Yên, vợ chồng chị T ở nhà chăn nuôi vịt đến năm 2021 vợ chồng chị thầu 8 mẫu ruộng để trồng trọt, chăn nuôi.

Chị T và anh A sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh A ăn chơi, thường chơi cờ bạc, không chăm lo làm ăn và không trách nhiệm với gia đình. Nhiều lần anh A đi uống rượu về đánh đập chị T nên đã dẫn tới các xung đột trong cuộc sống thường ngày. Tháng 7 năm 2024 do một số mâu thuẫn trầm trọng trong việc làm đầm, anh A đã chửi bới, xúc phạm, dọa đánh và không cho chị T ra đầm. Vì vậy chị T đã về ở cùng bố mẹ đẻ chị T. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được. Vợ chồng chị T sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay, tài chính độc lập, không ai liên quan đến ai. Nay chị T và anh A không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn anh A để hai người có cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng chị T có 02 con chung là cháu Ngô Thị Thu H, sinh ngày 16/11/2005 và Cháu Ngô Đức N, sinh ngày 13/9/2009. Cháu H đã trên 18 tuổi nên chị T không đề nghị giải quyết. Cháu Nhiện đang ở cùng anh A và bà nội, do chị T đi làm xa không có điều kiện chăm sóc, kèm cặp cháu nên chị T đề nghị giao cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng cháu, chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đồng/tháng, thời hạn đóng góp tính từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi Cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công sức: Chị T không đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình làm đầm, do cần tiền để kinh doanh nên chị T và Anh đã vay nợ một số người. Cụ thể:

- Nợ bà Phạm Thị Ng số tiền 100.000.000 đồng. Vay năm 2021 để đắp bờ đầm. Bà Ng vay hộ tại ngân hàng Agribank, bà Ng trực tiếp trả tiền cho thợ đắp bờ.

- Nợ bà Trần Thị V số tiền 50.000.000 đồng. Đây là số tiền còn nợ khi mua 2 đàn lợn của bà V năm 2020 và 2021.

- Nợ anh Đoàn Văn N1 số tiền 20.000.000 đồng. Vay tháng 3 năm 2021 để trả tiền giống cá.

- Nợ chị Đoàn Thị H1 số tiền 20.000.000 đồng. Vay năm 2023 để trả nợ tiền xây chuồng gà ngoài đầm.

- Nợ chị Đoàn Thị O số tiền 20.000.000 đồng. Vay từ tháng 3 năm 2021 để trả tiền giống cá.

- Nợ tiền mua cám lợn của bà Lê Thị H2 số tiền 46.000.000 đồng.

- Nợ tiền mua cám lợn của anh Phan Thanh Q số tiền 62.000.000 đồng.

- Nợ tiền mua cám lợn của anh Lưu Văn C số tiền 62.000.000 đồng.

- Nợ tiền vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 20.000.000 đồng. Vay để tiêu dùng trong gia đình và đưa anh A.

Tổng số nợ là 400.000.000 đồng, chị T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2025 chị T có đơn xin rút yêu cầu chia nợ chung của vợ chồng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua anh Phan Thanh Q, chị Lê Thị H, bà Trần Thị V, anh Đoàn Văn N1, chị Đoàn Thị H1, chị Đoàn Thị O nhất trí việc chị T rút yêu cầu chia nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Anh Ngô Văn A không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà nhưng anh A không có mặt ở nhà nên không tiến hành lấy lời khai của anh A được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cháu Ngô Đức N có đơn trình bầy:

Cháu là con của bố Ngô Văn A và mẹ Đoàn Thị T. Bố mẹ cháu sinh được hai chị em cháu. Do cuộc sống không hạnh phúc, khi bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng xin được ở cùng bố.

Quá trình giải quyết do anh A không đến Tòa án làm việc nên không thể tiến hành hòa giải được.

Phiên tòa ngày 13/6/2025 bị đơn Anh Ngô Văn A vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn Chị Đoàn Thị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Bị đơn Anh Ngô Văn A vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận cho Chị Đoàn Thị T được ly hôn Anh Ngô Văn A.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX giao Cháu Ngô Đức N, sinh ngày 13/9/2009 cho anh A nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng một tháng, thời hạn đóng góp từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi Cháu Nđủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không đề nghị, không xem xét giải quyết.

+ Về án phí*:* Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Chị Đoàn Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn Anh Ngô Văn A có địa chỉ: Đội z, thôn TL, xã ThL, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Phiên tòa ngày 19/6/2025 nguyên đơn Chị Đoàn Thị T vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Anh Ngô Văn A vắng mặt không có lý do. Theo quy định Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh A.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đoàn Thị T và Anh Ngô Văn A kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ThL, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 15/11/2004 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: Theo chị T thì vợ chồng chị T sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh A ăn chơi, thường chơi cờ bạc, không chăm lo làm ăn và không trách nhiệm với gia đình. Nhiều lần anh A đi uống rượu về đánh đập chị T nên đã dẫn tới các xung đột trong cuộc sống thường ngày. Ngoài ra còn có mâu thuẫn trong việc làm đầm, anh A đã chửi bới, xúc phạm, dọa đánh và không cho chị T ra đầm.

Về mâu thuẫn của vợ chồng chị T được bà Trần Thị V - Mẹ đẻ chị T cung cấp: Chị T và anh A kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ThL năm 2004. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được gần 20 năm, đến tháng 7 năm 2024 chị T khóc và về nhà bà ở, sống ly thân với anh A. Do gia đình bà và chị T ở cách xa nhau nên bà V không biết nguyên nhân cụ thể việc mâu thuẫn của vợ chồng chị T, chỉ nghe chị T kể anh A đánh, chửi chị T. Ngoài ra người dân sống gần gia đình chị T có kể cho bà V là anh A chơi bời, rượu chè và đánh chị T. Bà V đã khuyên nhủ anh chị quay lại với nhau, vun vén cho gia đình nhưng chị T khóc nói là không thể sống chung với anh A nữa (BL số 47).

Bà Phạm Thị Ng - Mẹ đẻ anh A cung cấp: Chị T và anh A đăng ký kết hôn tại UBND xã ThL năm 2004, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Quá

trình chung sống vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, thỉnh thoảng anh A có uống rượu, nhậu nhẹt với bạn bè. Do không sống cùng với vợ chồng anh A nên bà Ng không biết anh A có chơi cờ bạc hay không, chị T không nói gì với bà. Khoảng tháng 7 năm 2024 chị T nói chuyện với bà Ng là vợ chồng mâu thuẫn với lý do đầm không có sen, chị T kêu mệt nhưng vẫn đòi xuống đầm hái sen, anh A không cho chị T xuống đầm hái sen nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Sau đó vài ngày chị T nói với bà Ng là không ở được với anh A nữa, chị đi nơi khác làm ăn lấy tiền nuôi con. Chị T thu xếp tư trang và đi nơi khác làm, không liên lạc về nên bà Ng không biết chị T đang làm và sinh sống ở đâu, bà hỏi nhưng các cháu bà cũng không nói (BL số 94).

Cháu Ngô Thị Thu H- con đẻ chị T, anh A cung cấp: Cháu là con đẻ bố Ngô Văn A và mẹ Đoàn Thị T. Bố mẹ cháu sinh được hai người con, cháu là lớn. Cuộc sống hôn nhân của bố mẹ cháu thường xảy ra mâu thuẫn, không có hạnh phúc. Nay bố mẹ cháu ly hôn, cháu mong Tòa án giải quyết theo ý của mẹ cháu (BL số 104).

Qua xác minh, UBND xã ThL cung cấp: Chị Đoàn Thị T và Anh Ngô Văn A đã đăng ký kết hôn tại UBND xã ThL, huyện TL ngày 15/11/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T sống cùng với mẹ đẻ anh A là bà Phạm Thị Ng. Khi kết hôn chị T đi thu mua đồng nát và chăn nuôi vịt gà, anh A cũng phụ giúp chăn nuôi, làm đầm và làm thêm nghề hàn xì. Năm 2020 vợ chồng anh A thầu đầm sen của đội 3, thôn ThL trồng sen và nuôi cá. Qua nắm bắt tình hình địa phương nắm được vợ chồng anh A mâu thuẫn từ năm 2022, nguyên nhân do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều, ngoài ra anh A hay tụ tập bạn bè ăn uống tại lều ở đầm sen. Khi vợ chồng mâu thuẫn anh A có đánh chị T nhưng vợ chồng anh A không đề nghị địa phương xử lý nên địa phương không nắm được nguyên nhân và diễn biến cụ thể mâu thuẫn của vợ chồng chị T. Đã có lần khi xảy ra mâu thẫn chị T bỏ nhà đi sau đó lại quay về ở cùng anh A. Khoảng giữa năm 2024 chị T đã về ở cùng bố mẹ đẻ, đến nay vợ chồng chị T vẫn sống ly thân (BL số 106).

Từ những căn cứ trên xác định sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh A chung sống đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh A hay tụ tập bạn bè uống rượu, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình và do việc làm đầm, chăn nuôi thua lỗ. Nhiều lần anh A uống rượu về vợ chồng mâu thuẫn, anh A đã đánh chị T. Có lần chị T đã bỏ đi nhưng sau đó lại quay về nhưng anh A không sửa chữa, thay đổi tính nết nên mâu thuân vợ chồng vẫn thường xảy ra. Tháng 7 năm 2024 chị T đã bỏ về ở cùng bố mẹ đẻ chị T và sống ly thân với anh A cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau, kinh tế độc lập, anh A không tìm chị T để vợ chồng đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần anh A không có mặt theo giấy triệu tập và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, điều này thể hiện anh A không thực sự muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cả hai cháu H và N đều nhận định cuộc sống của bố mẹ các cháu không có hạnh phúc. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh A đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa nên việc chị T xin ly hôn anh A là có căn cứ chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng chị T, anh A có 02 con chung là cháu Ngô Thị Thu H, sinh ngày 16/11/2005 và Cháu Ngô Đức N, sinh ngày 13/9/2009.

Đối với Cháu Ngô Thị Thu H chị T không yêu cầu giải quyết do cháu đã đủ 18 tuổi, bản thân cháu H cũng không yêu cầu bố mẹ phải cấp dưỡng nuôi cháu nên không xem xét giải quyết.

Đối với Cháu Ngô Đức N, hiện cháu đang ở cùng anh A. Do anh A không đến Tòa án làm việc nên không xác định được nguyện vọng của anh A về con chung. Do chị T hiện đang làm xa không có điều kiện chăm sóc, kèm cặp cháu nên chị T giao cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Hiện Cháu N đang ở cùng anh A, cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố nên để ổn định về sinh hoạt và tâm lý của cháu sẽ giao Cháu N cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T nhận đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đồng một tháng, thời hạn đóng góp từ tháng 6 năm 2025 đến khi Cháu Nđủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của chị T và phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung:

Về tài sản chung, công sức: Chị T không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện chị T đề nghị giải quyết số nợ chung là 400.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 13/5/2025 chị T có đơn xin rút yêu cầu chia nợ chung của vợ chồng có sự đồng ý của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết một phần vụ án dân sự số: 01/2025/QDĐC-HNGĐ ngày 13/5/2025, đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia nợ chung của chị T. Do vậy về nợ chung sẽ không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu sau này chị T và anh A có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí vedef cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Đoàn Thị T được ly hôn Anh Ngô Văn A.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Thị Thu H, sinh ngày 16/11/2005 và Cháu Ngô Đức N, sinh ngày 13/9/2009.

Đối với Cháu Ngô Thị Thu H chị T không yêu cầu giải quyết do cháu đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Giao Anh Ngô Văn A trực tiếp nuôi dưỡng Cháu Ngô Đức N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đồng một tháng, thời hạn đóng góp từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi Cháu N đủ 18 tuổi.

Chị Đoàn Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Ngô Văn A và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh A có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu chị T không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí*:* Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, cộng bằng 450.000đ *(Bốn trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0001065 ngày 13/11/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TL. Chị T còn phải nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã ThL
(Đăng ký số 39 ngày 15/11/2004).
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lý